

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 10 năm 2023

MLTT: 1.490.000

TT	Họ và tên	Lương hệ số										BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	Các khoản trừ vào lương 10,5%				Thực lĩnh	Ghi chú	
		Hệ số lương	PC CV	PC KV	PCT N	PC ưu đãi nghề	Số năm hưởng PCT NN (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PCT TN VK (%)	Hệ số PCT N VK	Cộng hệ số			Tiền lương tháng	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN			Cộng
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+ 4+6+8+9	11	12	13	14	15	16	17=14+15+16	17	18

I. Lương căn bộ công chức, viên chức

1	Phạm Thị Hiền	4,65	0,35	0,5		2,50	23	1,150			9,15	13.633.500		13.633.500	733.080	137.453	91.635	962.168	12.671.333	
2	Nguyễn Thu Hà	3,33	0,35	0,5		1,84	14	0,515			6,54	9.737.448		9.737.448	500.068	93.763	62.508	656.339	9.081.109	
3	Ngô Thị Phan	4,89		0,5		2,69	38	2,044	10	0,49	10,61	15.812.655		15.812.655	884.824	165.904	110.603	1.161.331	14.651.323	
4	Lê Thị Kim Oanh	4,89		0,5		2,62	34	1,779	7	0,34	10,13	15.089.874		15.089.874	835.745	156.702	104.468	1.096.915	13.992.959	
5	Trần Thị Hương	4,89		0,5		2,62	35	1,831	7	0,34	10,18	15.167.835		15.167.835	841.982	157.872	105.248	1.105.101	14.062.734	
6	Trần Thị Ánh	4,89		0,5		2,62	33	1,727	7	0,34	10,08	15.011.912		15.011.912	829.508	155.533	103.688	1.088.729	13.923.183	
7	Phạm Thị Nhân	4,89		0,5		2,62	33	1,727	7	0,34	10,08	15.011.912		15.011.912	829.508	155.533	103.688	1.088.729	13.923.183	
8	Đặng Thị Đình	4,65		0,5		2,33	22	1,023			8,50	12.662.020		12.662.020	676.222	126.792	84.528	887.541	11.774.479	
9	Đặng Thị Hậu	4,65	0,2	0,5		2,43	23	1,116			8,89	13.246.845		13.246.845	711.088	133.329	88.886	933.302	12.313.543	
10	Dương Thị Thu Hiền	3,66		0,5		1,83	16	0,586			6,58	9.797.644	3.690.134	6.107.510	506.076	94.889	63.259	664.224	5.443.286	ôm
11	Nguyễn Thị Năm	3,99	0,15	0,5		2,07	20	0,828			7,54	11.231.620		11.231.620	592.186	111.035	74.023	777.244	10.454.376	
12	Lê Thị Hoa	3,66		0,5		1,83	16	0,586			6,58	9.797.644		9.797.644	506.076	94.889	63.259	664.224	9.133.420	
13	Đào Thị Lai	3,65		0,5		1,83	17	0,621			6,60	9.827.295		9.827.295	509.044	95.446	63.630	668.120	9.159.175	
14	Nguyễn Thanh Tâm	3,99	0,2	0,5		2,10	18	0,754			7,54	11.233.408		11.233.408	589.349	110.503	73.669	773.520	10.459.888	
15	Vàng Thị Kim Hoi	3,66	0,15	0,5		1,91	16	0,610			6,82	10.168.654		10.168.654	526.816	98.778	65.852	691.446	9.477.208	
16	Bùi Thị Hương	2,72		0,5		1,36	10	0,272			4,85	7.229.480		7.229.480	356.646	66.871	44.581	468.098	6.761.382	
17	Đặng Thị Hòa	3,65		0,5		1,83	15	0,548			6,52	9.718.525		9.718.525	500.342	93.814	62.543	656.699	9.061.826	



		Lương hệ số										Các khoản trừ vào lương 10,5%							Thực lĩnh	Ghi chú
		Hệ số lương	PC CV	PC KV	PCT N	PC ưu đãi nghề	Số năm hưởng PCT NN (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PCT TN VK (%)	Hệ số PCT N VK	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHYTN	Cộng		
TT	Họ và tên																			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+2+3+4+6+8+9	11	12	13	14	15	16	17=14+15+16	17	18

II. Lương lao động hợp đồng																				
40	Nguyễn Thị Phương											4.380.600		4.380.600	350.448	65.709	43.806	459.963	3.920.637	
41	Lại Hữu Long											3.640.000		3.640.000	291.200	54.600	36.400	382.200	3.257.800	
42	Nguyễn Tiến Bình											3.640.000		3.640.000	291.200	54.600	36.400	382.200	3.257.800	
	Cộng hợp đồng	0,00	0,00	0,0	0,0		x	0,000	x		0,00	11.660.600	0	11.660.600	932.848	174.909	116.606	1.224.363	10.436.237	
	Tổng cộng	143,82	1,60	19,5	0,1	70,14	x	26,234	x	1,86	263,26	403.912.077	4.763.213	399.148.864	21.615,469	4.052,901	2.701,934	28.370,304	370.778,561	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Ba trăm bảy mươi triệu bảy trăm bảy ngàn năm trăm sáu mươi đồng chẵn./

Người lập
(Ký, họ tên)


Phạm Thị Vân Anh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)


Phạm Thị Vân Anh

Điện Biên, ngày 16 tháng 10 năm 2023

